

ĐỀ LÝ THUYẾT HAY VÀ KHÓ SỐ 6 MÔN SINH HỌC**ID: 67039****LINK XEM LỜI GIẢI** <http://moon.vn/FileID/67039>**I. Nhận biết**

Câu 1 [480396]: Tỷ lệ 9 : 3 : 3 : 1 ở F₂ trong phép lai 1 tính trạng là kết quả của quy luật di truyền

- A. Quy luật tương tác cộng gộp.
- B. Quy luật phân ly Mendel trong phép lai đơn tính.
- C. Liên kết gen không hoàn toàn với tần số hoán vị là 50%.
- D. Quy luật tương tác bổ trợ.

Câu 2 [495421]: Ruột thừa ở người

- A. có nguồn gốc từ manh tràng của thỏ.
- B. cấu tạo tương tự manh tràng của thỏ.
- C. là cơ quan tương đồng với manh tràng của thỏ.
- D. là cơ quan tương tự với manh tràng của thỏ.

Câu 3 [475396]: Trạng thái cân bằng của quần thể là trạng thái số lượng cá thể ổn định do

- A. sức sinh sản giảm, sự tử vong giảm.
- B. các cá thể trong quần thể luôn hỗ trợ lẫn nhau.
- C. các cá thể trong quần thể luôn cạnh tranh với nhau.
- D. sự tương quan giữa tỉ lệ sinh và tỉ lệ tử.

Câu 4 [482192]: Loại đột biến thường bị chọn lọc tự nhiên sớm đào thải là

- A. đột biến trung tính.
- B. đột biến gen trội có hại.
- C. đột biến gen lặn có hại.
- D. đột biến gen có lợi.

Câu 5 [487738]: Theo quan niệm hiện đại, thực chất của chọn lọc tự nhiên là

- A. phân hóa mức độ thành đạt sinh sản của các kiểu gen khác nhau.
- B. phân hóa mức độ thành đạt sinh sản của các cá thể khác nhau.
- C. hai quá trình diễn ra song song, vừa đào thải, vừa tích lũy.
- D. quá trình đấu tranh sinh tồn của sinh vật trong môi trường sống.

Câu 6 [496930]: Trong điều kiện nào sau đây thì ảnh hưởng của phiêu bạt gen đến sự tiến hóa của quần thể là ít nhất?

- A. Kích thước quần thể nhỏ.
- B. Kích thước của quần thể lớn.
- C. Các cá thể trong quần thể có sự cạnh tranh khốc liệt.
- D. Các cá thể trong quần thể ít có sự cạnh tranh.

Câu 7 [497220]: Khi môi trường sống thay đổi theo một hướng xác định thì quần thể chịu tác động của hình thức chọn lọc nào:

- A. Chọn lọc ổn định.
- B. Chọn lọc vận động.
- C. Chọn lọc phân hoá.
- D. Chọn lọc phân hoá.

Câu 8 [488043]: Các động vật hằng nhiệt (động vật đồng nhiệt) sống ở vùng nhiệt đới (nơi có khí hậu nóng và ẩm) có

- A. các phần cơ thể nhô ra (tai, đuôi,...) thường bé hơn các phần nhô ra ở các loài động vật tương tự sống ở vùng lạnh.
- B. tỉ số giữa diện tích bề mặt cơ thể (S) với thể tích cơ thể (V) giảm, góp phần hạn chế sự toả nhiệt của cơ thể.
- C. kích thước cơ thể lớn hơn so với động vật cùng loài hoặc với loài có họ hàng gần sống ở vùng có khí hậu lạnh.
- D. kích thước cơ thể bé hơn so với động vật cùng loài hoặc với loài có họ hàng gần sống ở vùng có khí hậu lạnh.

Câu 9 [461919]: Trong tiến hóa các cơ tương đồng có ý nghĩa phản ánh

- A. Sự tiến hóa song hành
- B. Nguồn gốc chung
- C. Sự tiến hóa đồng qui
- D. Sự tiến hóa phân ly

Câu 10 [484926]: Nhóm sinh vật đầu tiên đến sống ở môi trường và mở đầu cho diễn thế nguyên sinh. Nhóm sinh vật đó được gọi tên là

- A. quần thể gốc.
- B. quần thể mở đầu.
- C. quần xã nguyên sinh.
- D. quần xã tiên phong

Câu 11 [470109]: Nhân tố nào dưới đây không phải là nhân tố tiến hoá?

- A. Chọn lọc tự nhiên
- B. Chọn lọc nhân tạo
- C. Đột biến
- D. Giao phối có chọn lọc

Câu 12 [504773]: Trong môi trường sống có một xác chết của sinh vật là xác của một cây thân gỗ. Xác chết của sinh vật nằm trong tổ chức sống nào sau đây ?

- A. Quần thể.
- B. Quần xã.
- C. Vi sinh vật.
- D. Hệ sinh thái.

Câu 13 [298709]: Cơ chế có thể dẫn đến làm phát sinh đột biến số lượng NST là:

- A. trao đổi chéo không bình thường giữa các crômatit.
- B. rối loạn trong nhân đôi của AND.
- C. không hình thành thoi vô sắc trong quá trình phân bào
- D. NST bị đứt do các tác nhân gây đột biến

Câu 14 [478310]: Khi nói về liên kết gen, điều nào sau đây **không** đúng?

- A. Sự liên kết gen không làm xuất hiện biến dị tổ hợp.
- B. Các cặp gen nằm trên 1 cặp NST ở vị trí gần nhau thì liên kết bền vững.
- C. Số lượng gen nhiều hơn số lượng NST nên liên kết gen là phổ biến.
- D. Liên kết gen đảm bảo tính di truyền ổn định của cả nhóm tính trạng.

Câu 15 [516473]: Cơ chế nào dưới đây cho phép các nhà tiến hóa dự đoán tốt nhất tần số allele trong quần thể sẽ thay đổi như thế nào theo thời gian?

- A. Đột biến
- B. Chọn lọc tự nhiên
- C. Giao phối ngẫu nhiên
- D. Dòng gen

Câu 16 [497174]: Sự dịch mã được quy ước làm bao nhiêu giai đoạn?

- A. 2
- B. 3
- C. 1
- D. 4

Câu 17 [517329]: Giả sử trình tự một đoạn ADN thuộc gen mã hóa enzym amylaza được dùng để ước lượng mối quan hệ nguồn gốc giữa các loài. Bảng dưới đây liệt kê trình tự đoạn ADN này của 4 loài khác nhau.

Trình tự đoạn gen mã hóa enzym amylaza	
Loài A	XAGGTXAGTT
Loài B	XXGGTXAGGT
Loài C	XAGGAXATTT
Loài D	XXGGTXAXGT

Hai loài giống nhau nhất là...(I)... và xa nhau nhất là...(II)...

- A. (I) A và B; (II) C và D.
- B. (I) A và D; (II) B và C
- C. (I) B và D; (II) B và C
- D. (I) A và C; (II) B và D

Câu 18 [465389]: Sử dụng C 14 xác định tuổi của các hóa thạch có độ tuổi khoảng

- A. 75000 năm
- B. 11237 năm
- C. 4,5 tỉ năm
- D. 375 triệu năm

II. Thông hiểu

Câu 1 [481843]: Một đột biến alen lặn sẽ biểu hiện thành kiểu hình trong điều kiện

- A. Quá trình giao phối ngẫu nhiên tạo ra kiểu gen dị hợp có tất cả các gen lặn đột biến khác nhau.
- B. Quá trình giao phối và thời gian cần thiết để alen lặn xuất hiện ở trạng thái dị hợp
- C. Được phát tán và tạo ra tổ hợp ở trạng thái đồng hợp.
- D. Tồn tại với alen trội tương ứng ở trạng thái dị hợp

Câu 2 [500169]: Trong các phát biểu sau, có bao nhiêu phát biểu đúng khi nói về nhiễm sắc thể giới tính ở động vật?

(1) Nhiễm sắc thể giới tính chỉ có ở tế bào sinh dục.

(2) Nhiễm sắc thể giới tính chỉ chứa các gen quy định tính trạng giới tính.

(3) Hợp tử mang cặp nhiễm sắc thể giới tính XY bao giờ cũng phát triển thành cơ thể đực.

(4) Nhiễm sắc thể giới tính có thể bị đột biến về cấu trúc và số lượng.

- A. 2.
- B. 4.
- C. 1.
- D. 3.

Câu 3 [338347]: Nhân tố nào dưới đây **không** làm mất cân bằng di truyền của quần thể?

- A. Giao phối ngẫu nhiên.
- B. Chọn lọc tự nhiên.
- C. Đột biến.
- D. Giao phối có lựa chọn.

Câu 4 [490367]: Cây xanh và một số vi sinh vật có màu xanh là sinh vật tự dưỡng, động vật và phần lớn vi sinh vật là sinh vật dị dưỡng. Cơ sở của việc chia ra nhóm sinh vật trong quần xã như trên là

- A. dựa vào vai trò số lượng các nhóm loài.
- B. dựa vào đặc điểm hoạt động của sinh vật.
- C. dựa vào hoạt động chức năng của các loài.
- D. dựa vào mức độ phụ thuộc của sinh vật vào môi trường.

Câu 5 [494775]: Trong diễn thế sinh thái, nhóm loài ưu thế đã “tự đào huyệt chôn mình”. Nguyên nhân là do

- A. hoạt động của nhóm loài ưu thế làm biến đổi mạnh mẽ môi trường, từ đó tạo điều kiện cho nhóm loài khác có khả năng cạnh tranh cao hơn trở thành nhóm loài ưu thế mới.
- B. hoạt động của nhóm loài ưu thế làm biến đổi mạnh mẽ môi trường, từ đó dẫn đến cạn kiệt nguồn sống của chính các loài ưu thế và các loài khác trong quần xã.
- C. nhóm loài ưu thế hạn chế các hoạt động sống trong điều kiện môi trường ổn định, từ đó dễ bị các loài khác vượt lên thành nhóm loài ưu thế mới.
- D. nhóm loài ưu thế hạn chế các hoạt động sống trong điều kiện môi trường thay đổi, từ đó dễ bị các loài khác vượt lên thành nhóm loài ưu thế mới.

Câu 6 [478247]: Khi nói về tháp sinh thái, phát biểu nào sau đây không đúng?

- A. Tháp sinh khối của quần xã sinh vật nổi trong nước thường mất cân đối do sinh khối của sinh vật tiêu thụ nhỏ hơn sinh khối của sinh vật sản xuất.
- B. Tháp năng lượng luôn có dạng chuẩn, đáy lớn, đỉnh nhỏ.
- C. Trong tháp năng lượng, năng lượng vật làm môi bao giờ cũng đủ đến dư thừa để nuôi vật tiêu thụ mình.
- D. Tháp số lượng và tháp sinh khối có thể bị biến dạng, tháp trở nên mất cân đối.

Câu 7 [491758]: Trong thực tế đời sống, người ta thường dùng loài sinh vật này để tiêu diệt loài sinh vật khác. Biện pháp này gọi là sử dụng thiên địch. Ưu điểm nào sau đây không thuộc về biện pháp này?

- A. Hiệu quả rất nhanh, không phụ thuộc thời tiết khí hậu.
- B. Không gây ô nhiễm môi trường.
- C. Không gây ra hiện tượng nhờn thuốc.
- D. Có tác dụng lâu dài.

Câu 8 [497690]: Nếu các gen phân li độc lập, 1 tế bào sinh tinh có kiểu gen AaBb có thể tạo ra số loại giao tử là:

- A. 8
- B. 2
- C. 4
- D. 16

Câu 9 [501593]: Trong điều kiện môi trường bị giới hạn, sự tăng trưởng kích thước của quần thể theo đường cong tăng trưởng thực tế có hình chữ S, ở giai đoạn ban đầu, số lượng cá thể tăng chậm. Nguyên nhân chủ yếu của sự tăng chậm số lượng cá thể là do

- A. số lượng cá thể của quần thể đang cân bằng với sức chịu đựng (sức chứa) của môi trường.
- B. sự cạnh tranh giữa các cá thể trong quần thể diễn ra gay gắt.
- C. kích thước của quần thể còn nhỏ.
- D. nguồn sống của môi trường cạn kiệt.

Câu 10 [488523]: Trong trường hợp giảm phân và thụ tinh bình thường, một gen quy định một tính trạng và gen trội (A, B, D) là trội hoàn toàn. Cho các phép lai:

1. AaBbDD x AaBbdd
2. AaBbdd x aaBbDD
3. AABbDd x AabbDd
4. aaBbDd x AaBbdd
5. AabbDd x AaBBDD
6. AaBbDd x AABbDd

Số phép lai cho tỷ lệ kiểu hình 9:3:3:1 là:

- A. 2
- B. 5
- C. 3
- D. 4

III. Vận dụng

Câu 1 [527063]: Giả sử lưới thức ăn trong quần xã sinh vật được mô tả như sau: cỏ là thức ăn của thỏ, dê, gà và sâu; gà ăn sâu; cáo ăn thỏ và gà; hổ sử dụng cáo, dê, thỏ làm thức ăn. Có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng về lưới thức ăn này?

- I. Gà chỉ thuộc bậc dinh dưỡng cấp 2.
- II. Hổ tham gia vào ít chuỗi thức ăn nhất.
- III. Thỏ, dê, cáo đều thuộc bậc dinh dưỡng cấp 3.
- IV. Cáo có thể thuộc nhiều bậc dinh dưỡng khác nhau.

A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 2 [518813]: Cho các nội dung sau:

- (1) Tạo chủng vi khuẩn *E.coli* sản xuất insulin người.
- (2) Tạo giống dưa hấu tam bội không có hạt, có hàm lượng đường cao.
- (3) Tạo giống bông và giống đậu tương mang gen kháng thuốc diệt cỏ của thuốc lá cảnh *Petunia*.
- (4) Tạo giống dâu tằm có năng suất cao hơn dạng lưỡng bội bình thường.
- (5) Tạo giống lúa "gạo vàng" có khả năng tổng hợp β -caroten (tiền vitamin A) trong hạt.
- (6) Tạo giống cây trồng lưỡng bội có kiểu gen đồng hợp về tất cả các gen.
- (7) Tạo giống cừu sản sinh prôtêin huyết thanh của người trong sữa.
- (8) Tạo giống pomato từ khoai tây và cà chua.

Có bao nhiêu nội dung đúng về thành tựu của công nghệ gen?

A. 4. B. 5. C. 6. D. 3.

Câu 3 [485694]: Trong các hệ sinh thái, bậc dinh dưỡng của tháp sinh thái được ký hiệu A,B,C,D và E. Sinh khối mỗi bậc là A=400kg/ha, B= 500kg/ha, C =4000kg/ha, D = 60kg/ha, E = 4 kg/ha. Các bậc dinh dưỡng của tháp sinh thái được sắp xếp từ thấp đến cao theo thứ tự sau:

Hệ sinh thái 1: A→B→C→E

Hệ sinh thái 2: A→B→D→E

Hệ sinh thái 3: E→D→B→C

Hệ sinh thái 4: C→A→D→E

Trong các hệ sinh thái trên, hệ sinh thái nào có thể là một hệ sinh thái bền vững?

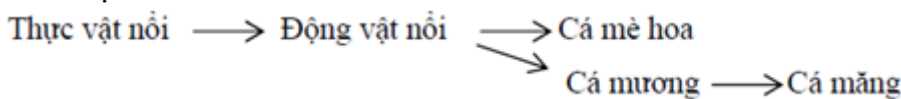
A. Hệ sinh thái 1 B. Hệ sinh thái 2 C. Hệ sinh thái 3 D. hệ sinh thái 4

Câu 4 [515268]: Khi nói về chu trình ni tơ có bao nhiêu phát biểu đúng

- (1)Vi khuẩn nitrat chuyển hóa NH_4^+ thành NO_2
- (2)Để hạn chế sự thất thoát ni tơ trong đất cần có biện pháp làm đất tơi xốp
- (3)Lượng ni tơ trong đất được tổng hợp nhiều nhất bằng con đường tổng hợp phân bón hóa học
- (4)Vi khuẩn nốt saanreex cây họ đậu chuyển hóa N_2 thành NH_3 cung cấp cho cây
- (5)Nguồn dự trữ ni tơ chủ yếu trong khí quyển , một phần trầm tích ao sông hồ

A. 3 B. 2 C. 5 D. 4

Câu 5 [338369]: Ở một ao nuôi cá, cá mè hoa là đối tượng tạo nên sản phẩm kinh tế. Lưới thức ăn của ao nuôi được mô tả như sau:



Theo lí thuyết, có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng?

- I. Để tăng hiệu quả kinh tế, cần giảm sự phát triển của các loài thực vật nổi.
- II. Mối quan hệ giữa cá mè hoa và cá mương là quan hệ cạnh tranh.
- III. Cá mè hoa thuộc bậc dinh dưỡng cấp 3.
- IV. Tăng số lượng cá mương sẽ làm giảm hiệu quả kinh tế.
- V. Tăng số lượng cá măng sẽ làm tăng hiệu quả kinh tế.

A. 5 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 6 [484704]: Một đứa trẻ được ăn no, mặc ấm thường khoẻ mạnh hơn một đứa trẻ chỉ được ăn no điều đó thể hiện quy luật sinh thái

- A. giới hạn sinh thái
- B. tác động qua lại giữa sinh vật với môi trường.
- C. không đồng đều của các nhân tố sinh thái.
- D. tổng hợp của các nhân tố sinh thái.

Câu 7 [481099]: Cho các phát biểu sau về hậu quả của đột biến đảo đoạn NST:

1. Làm thay đổi trình tự phân bố của các gen trên NST.
2. Làm giảm hoặc làm tăng số lượng gen trên NST.
3. Làm thay đổi thành phần trong nhóm gen liên kết.
4. Làm cho một gen nào đó vốn đang hoạt động có thể không hoạt động hoặc tăng giảm mức độ hoạt động.
5. Có thể làm giảm khả năng sinh sản của thể đột biến.

Số phát biểu có nội dung đúng là:

- A. 5. B. 2. C. 4. D. 3.

Câu 8 [498539]: Quá trình tự nhân đôi của ADN ở sinh vật nhân thực có đặc điểm:

1. Diễn ra ở trong nhân, tại kì trung gian của quá trình phân bào.
2. Diễn ra theo nguyên tắc bổ sung và nguyên tắc bán bảo tồn.
3. Cả hai mạch đơn đều làm mạch khuôn để tổng hợp mạch mới.
4. Đoạn Okazaki được tổng hợp theo chiều 5'→3'.
5. Khi một phân tử ADN tự nhân đôi 2 mạch mới được tổng hợp đều được kéo dài liên tục với sự phát triển của chạc chữ Y.
6. Qua một lần nhân đôi tạo ra hai ADN con có cấu trúc giống ADN mẹ.

Số đặc điểm có nội dung đúng là

- A. 2. B. 4. C. 5. D. 6.

IV. Vận dụng cao

Câu 1 [476584]: Ở người, có bao nhiêu bệnh và hội chứng sau đây do gen lặn nằm trên NST thường quy định?

- | | |
|--------------------------------|-----------------------|
| 1. bệnh mù màu; | 2. bệnh máu khó đông; |
| 3. Bệnh ung thư máu; | 4. hội chứng Đào; |
| 5. bệnh bạch phenilketon niệu; | 6. bệnh bạch tạng. |

- A. 3. B. 2. C. 4. D. 1.

Câu 2 [479207]: Cho nội dung sau nói về quần thể:

1. Quần thể là tập hợp những cá thể khác loài nhưng có cùng khu phân bố.
2. Có thể chia quần thể thành 2 nhóm: quần thể tự phối và quần thể giao phối.
3. Mỗi quần thể có khu phân bố xác định và luôn luôn ổn định.
4. Quần thể tự phối thường gặp ở thực vật, ít gặp ở động vật.

Có bao nhiêu nội dung đúng?

- A. 0. B. 2. C. 3. D. 1.

Câu 3 [491890]: Khi nói về diễn thế sinh thái, có các nội dung sau:

1. Diễn thế là quá trình phát triển thay thế tuần tự của các quần xã sinh vật, từ dạng khởi đầu qua các giai đoạn trung gian và thường dẫn đến quần xã tương đối ổn định.
2. Diễn thế thường là một quá trình định hướng và không thể dự báo được.
3. Trong quá trình diễn thế, nhiều chỉ số sinh thái biến đổi phù hợp với trạng thái mới của quần xã và phù hợp với môi trường.
4. Diễn thế được bắt đầu từ một nương rẫy bỏ hoang được gọi là diễn thế thứ sinh.

Số nội dung nói đúng là:

- A. 3. B. 0. C. 1. D. 2.

Câu 4 [496374]: Khi nói về trẻ đồng sinh có các nội dung:

1. Xuất phát từ cùng một hợp tử.
2. Các cá thể có cùng mức phản ứng.
3. Các cá thể giống nhau về kiểu hình, khác nhau về kiểu gen.
4. Nhiều trứng, thụ tinh với nhiều tinh trùng có kiểu gen giống nhau.
5. Có kiểu gen (gen trong nhân) giống nhau.

Có bao nhiêu đặc điểm có nội dung đúng với trẻ đồng sinh cùng trứng?

- A. 1. B. 2. C. 4. D. 3